

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

Ngày 31/12/2025	9,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.2%	-3.0%	3.2%

DT thuần Q4/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03 -33.6%
YoY: ▼0.05 -46.9%

LN sau thuế Q4/25
0.00
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025
3057231
YoY: +/-▲

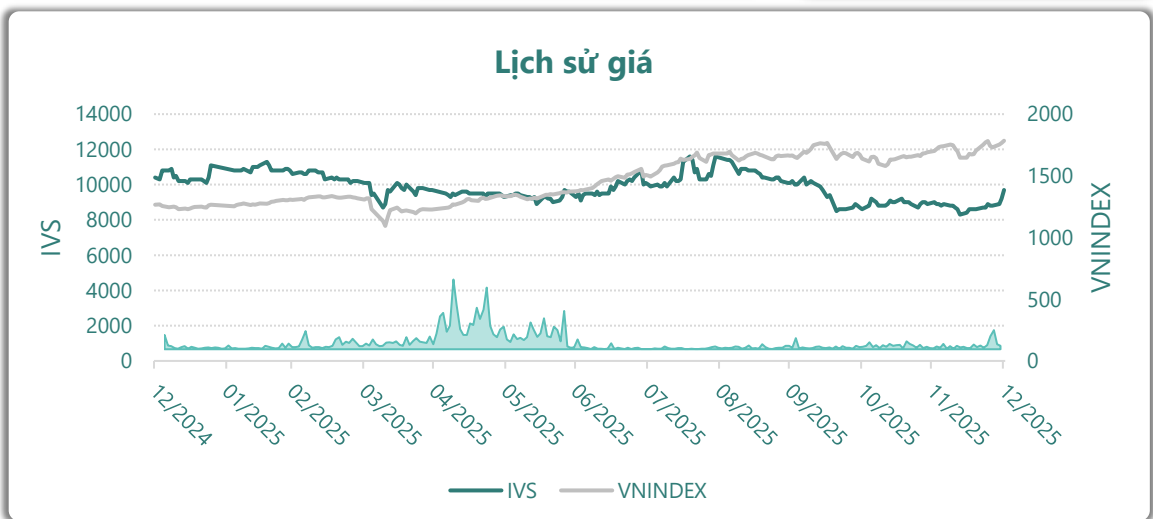
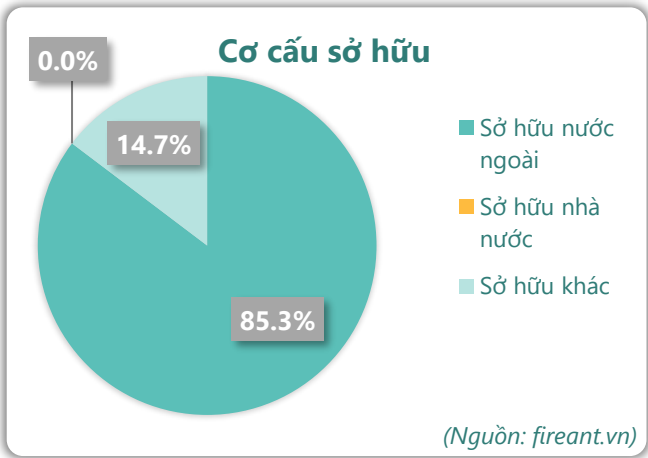
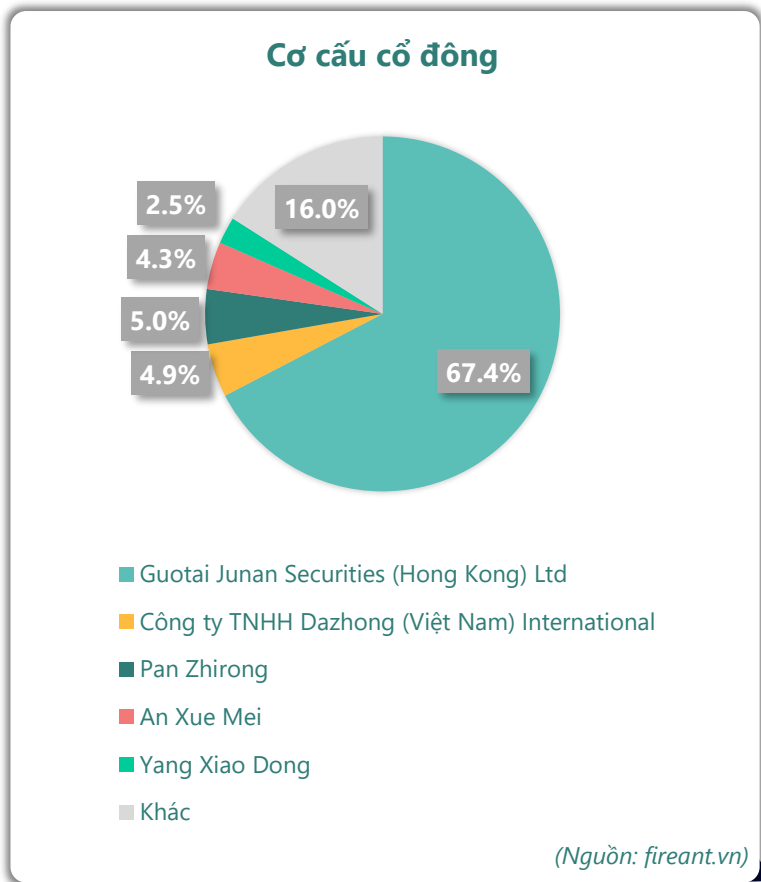
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,300 - 11,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,018
Số lượng CPLH (CP)	104,923,336
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,460
Sở hữu nước ngoài	85.3%
Beta	0.97
EPS	124
P/E	77.9

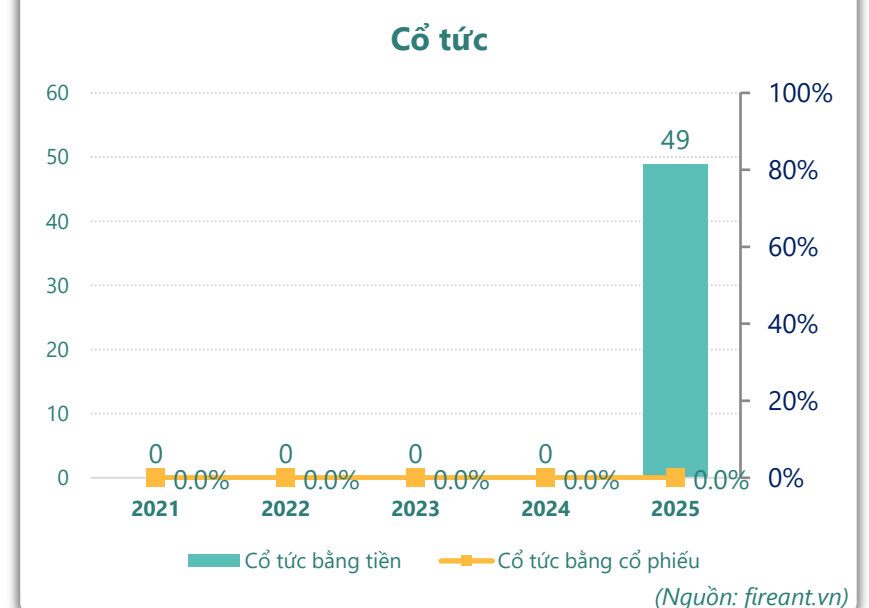
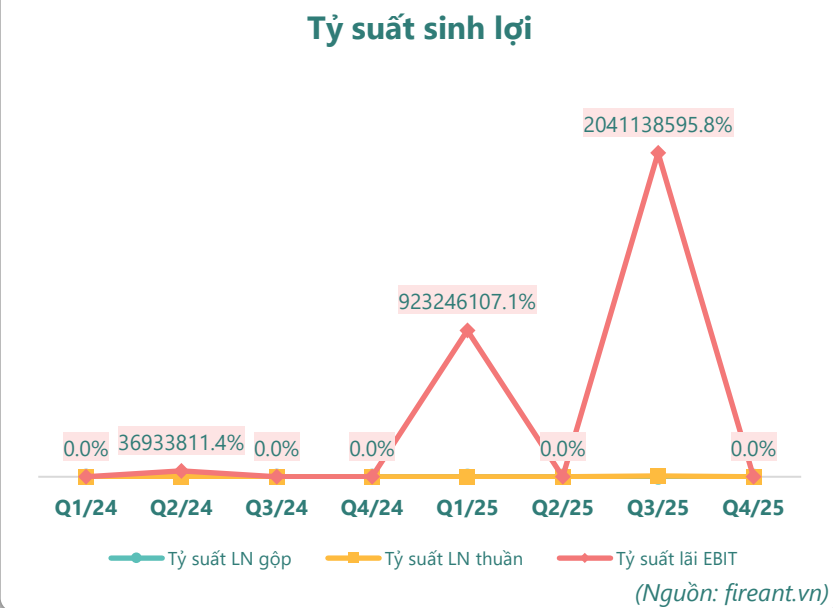
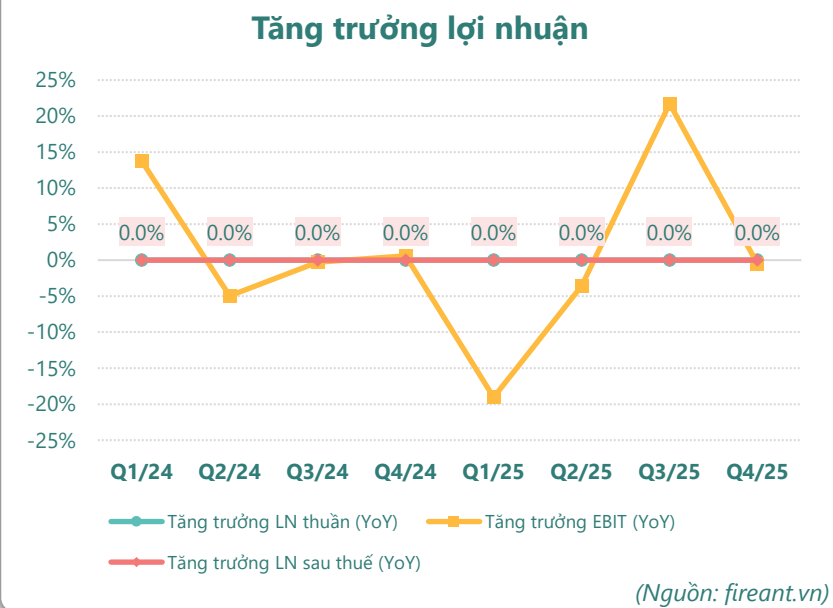
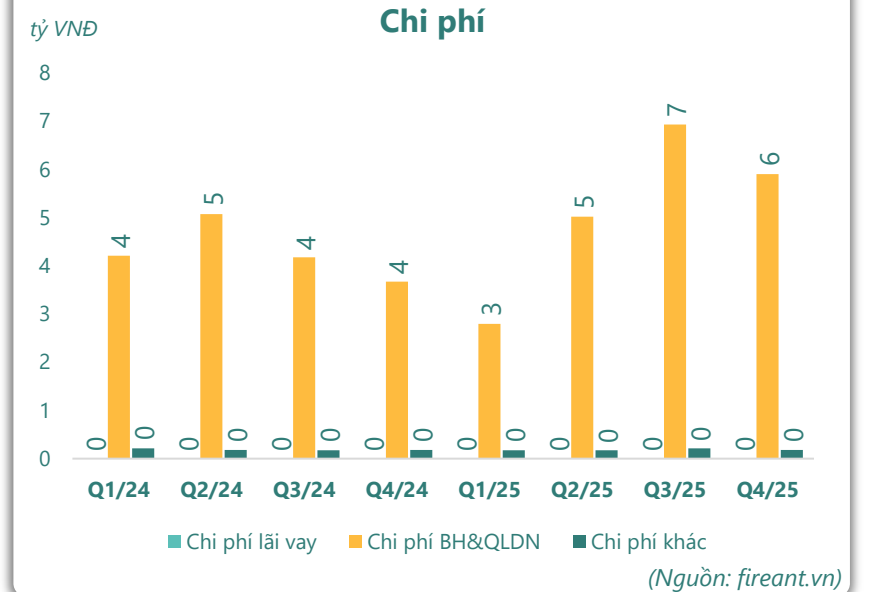
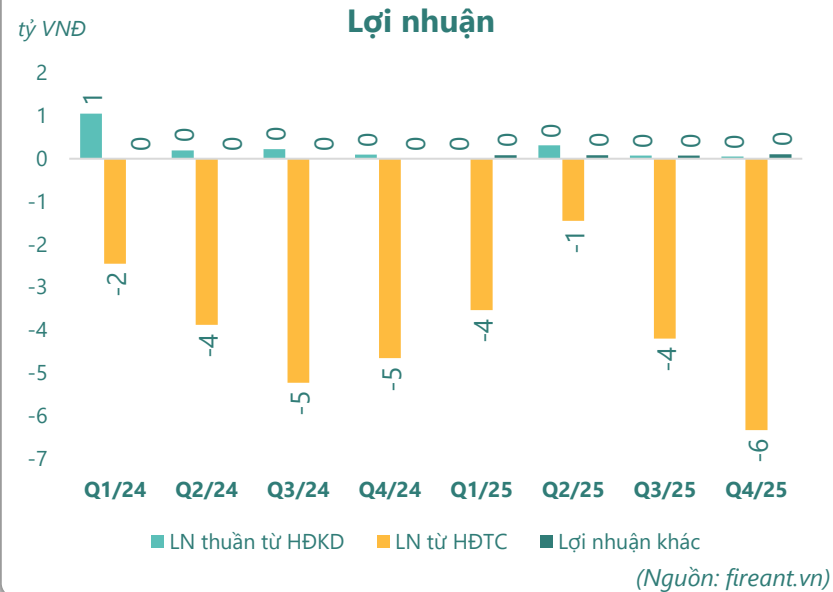
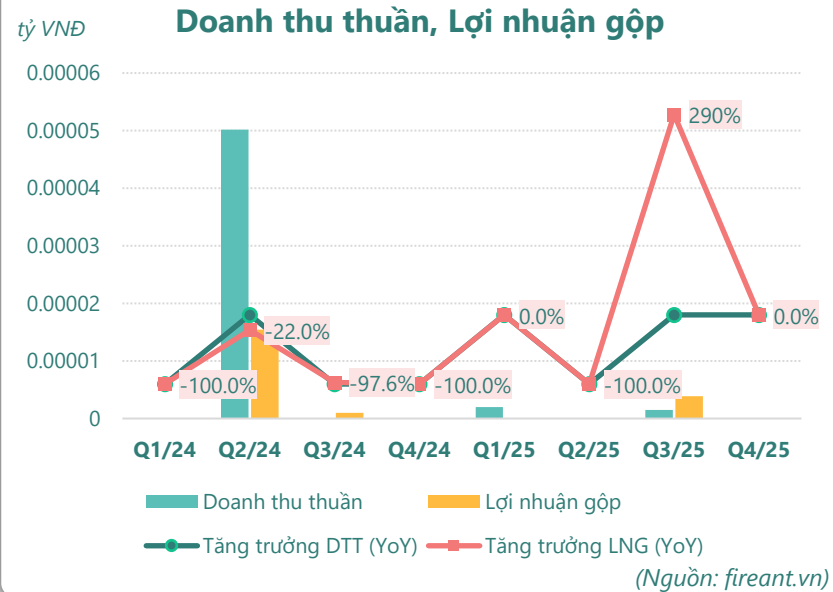
DT thuần 2025
0.00
tỷ VNĐ

LN thuần 2025
0.44
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.13 -71.8%

LN sau thuế 2025
0.00
tỷ VNĐ



KẾT QUẢ KINH DOANH





TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

Tổng TS

2021 2022 2023 2024 2025

Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

100%
90%
80%
70%
60%
50%
40%
30%
20%
10%
0%

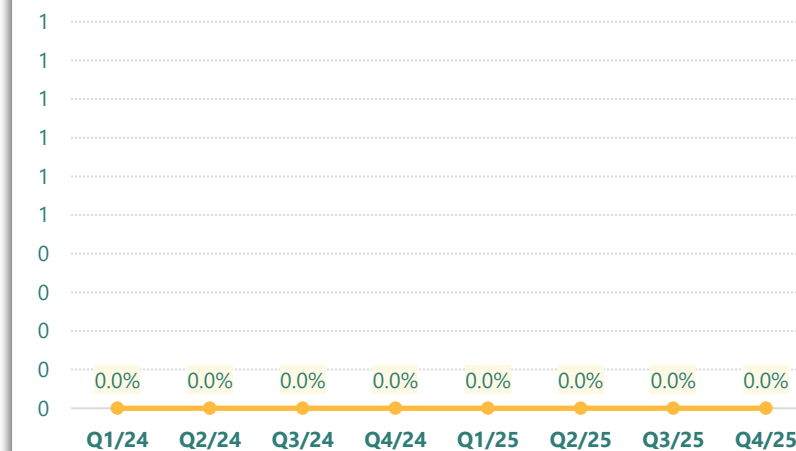
2021 2022 2023 2024 2025

Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

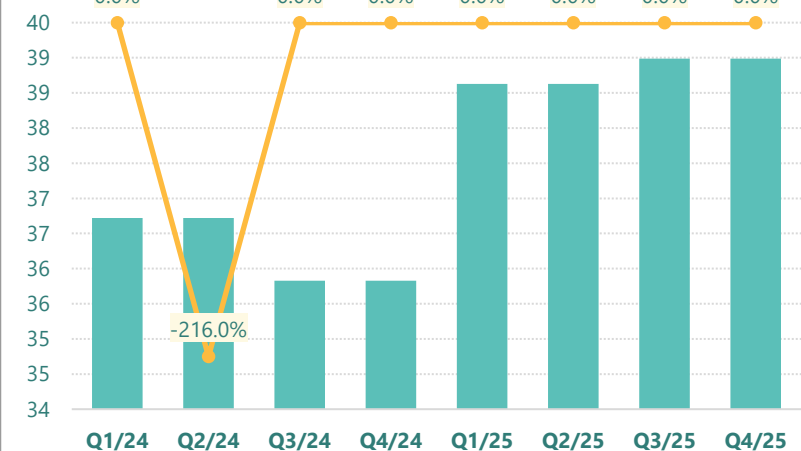


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

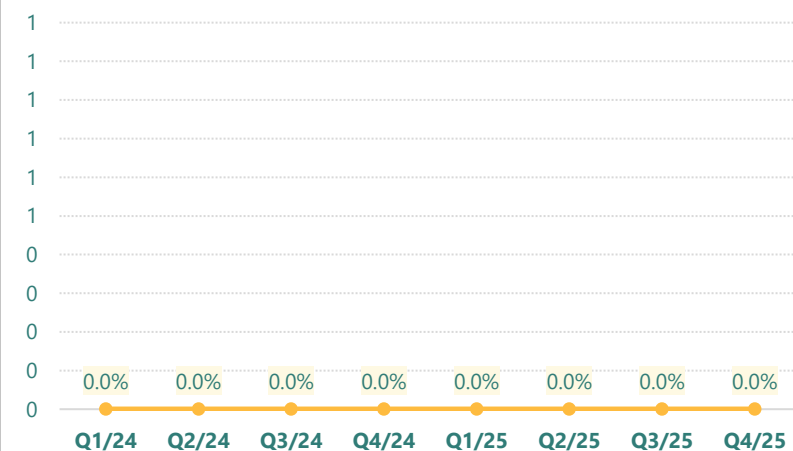


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

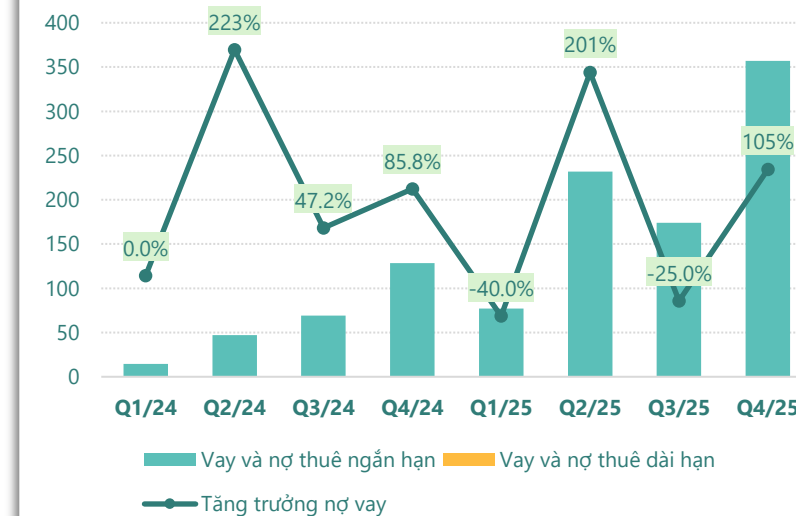


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



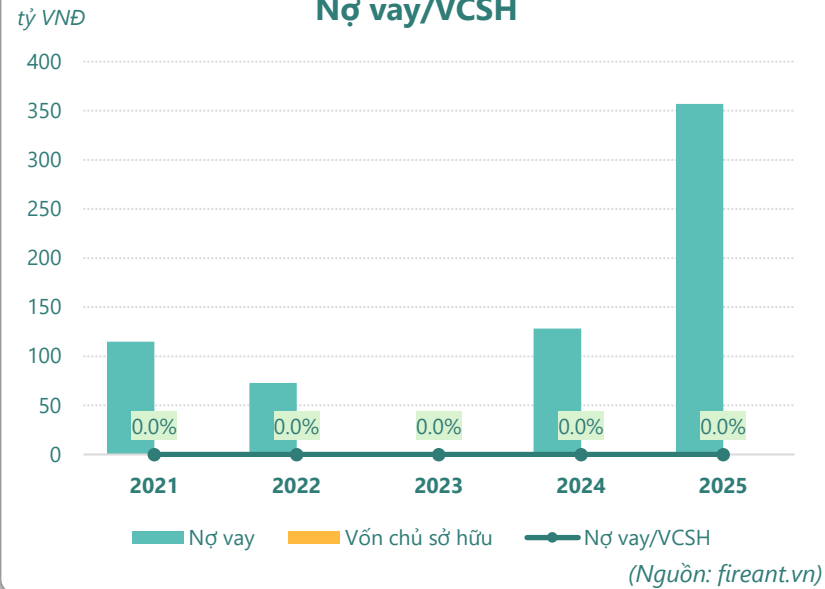
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

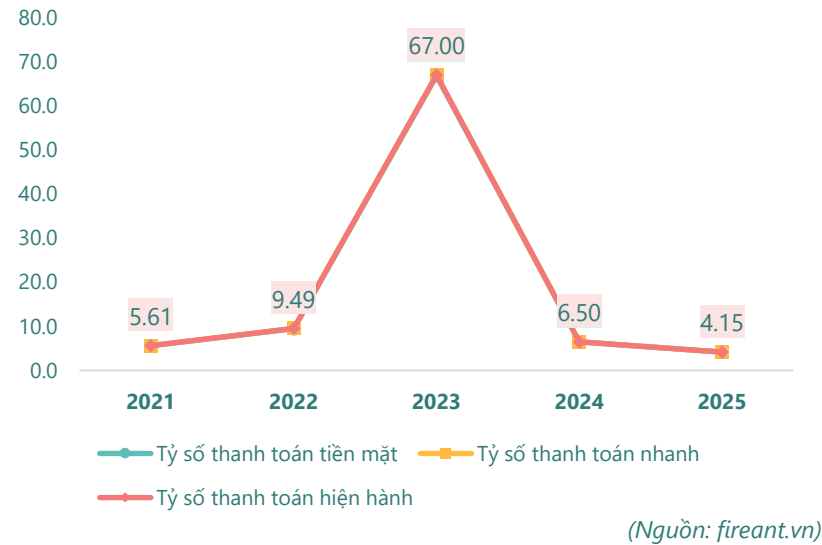


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

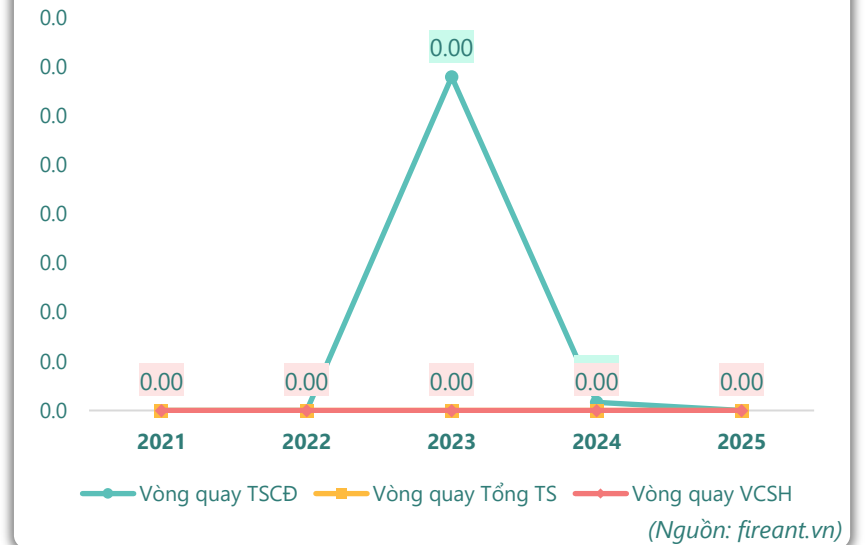
Nợ vay/VCSH



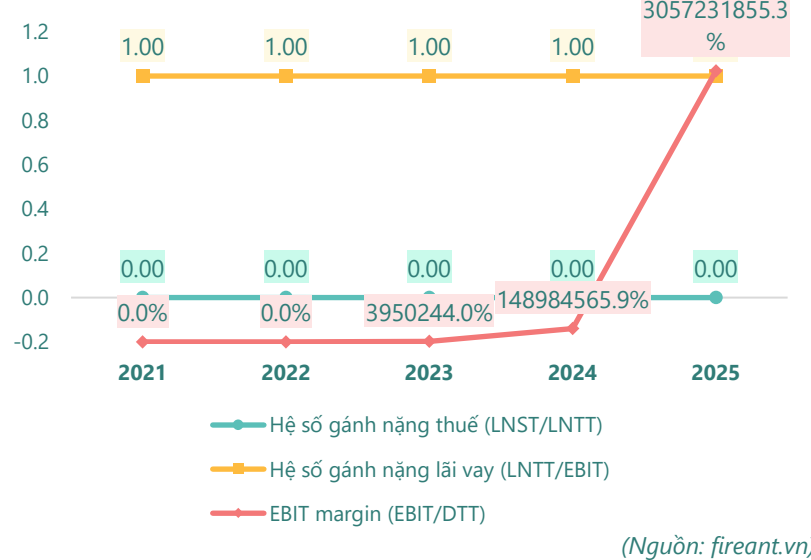
Chỉ số thanh khoản



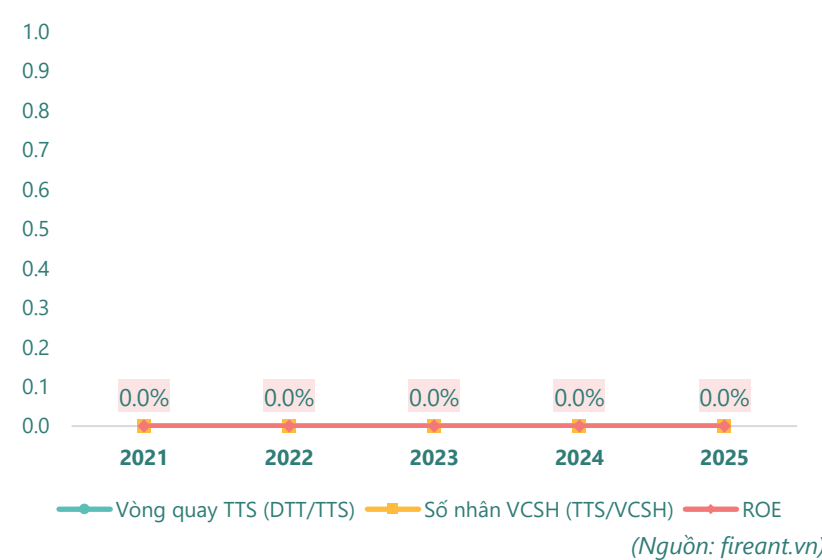
Vòng quay tài sản



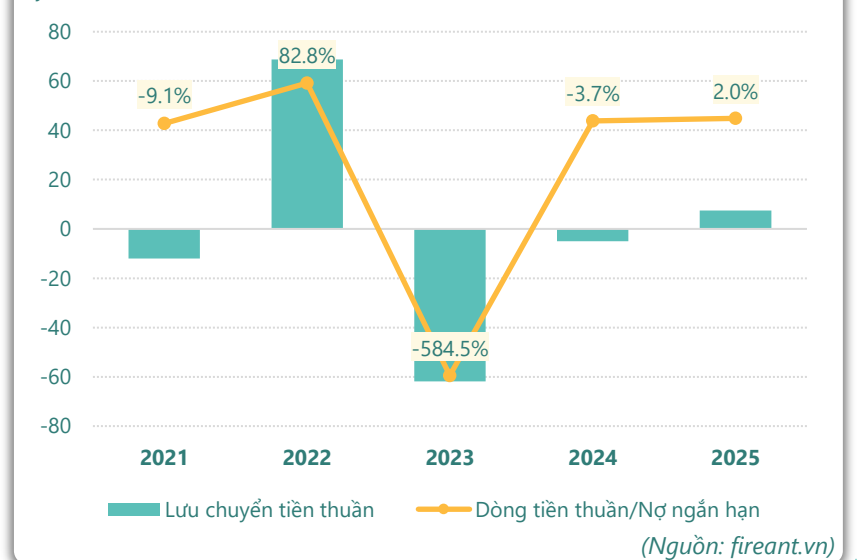
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0	0.00		0.00	0.00	-93.0%
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0.00	0.00	-26.5%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0.00	0.00	-76.3%
Doanh thu HĐTC	9.24	4.91	88.1%	34.7	19.6	77.3%
Chi phí TC	15.6	9.57	62.7%	50.2	35.8	40.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	5.90	3.67	60.8%	20.7	17.1	20.6%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	0.05	0.10	-46.9%	0.44	1.57	-71.8%
Lợi nhuận khác	0.10	0.00		0.35	0	
LN trước thuế	31.0	18.4	68.7%	107	74.8	43.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.00	0.00		0.00	0.00	-215%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.86	-78.8	-245	-252	64.0	-174
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-2.58	0.02	-0.75	-0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.1	59.3	343	155	-63.0	183
Tiền đầu kỳ	0.17	21.4	1.95	97.8	0.46	0.66
Lưu chuyển tiền thuần	21.3	-19.5	95.9	-97.3	0.20	8.70
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.4	1.95	97.8	0.46	0.66	9.35

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	1,515	885	71.2%
Tiền và tương đương tiền	1,513	882	71.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	1.49	0.00	69134%
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.0	35.8	8.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.04	0.83	25.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	365	136	169%
Nợ ngắn hạn	365	136	169%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	357	128	178%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

